**Phân tích Tràng Giang Huy Cận – Mẫu 5**

Tràng Giang là một bài thơ hay của Huy Cận và là một trong những bài thơ tiêu biểu của phong trào Thơ mới. Bài thơ thể hiện nỗi cô đơn, bơ vơ của con người ngay giữa quê hương mình. Tràng Giang in trong tập Lửa thiêng, xuất bản năm 1940. Bài thơ nói về nỗi buồn thế hệ, nỗi buồn không tìm được lối ra, nên như kéo dài triền miên.

Phân tích 4 câu thơ trong đoạn đầu

Hiện lên đầu tiên tác phẩm là bức tranh sông nước vắng vẻ và tĩnh lặng.

*Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,*

*Con thuyền xuôi mái nước song song.*

*Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả,*

*Củi một cành khô lạc mấy dòng.*

Câu thơ đầu mở ra là bức tranh sông nước “Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp” có hai hình ảnh được tái hiện đó là thiên nhiên và tâm trạng của con người. Từ “ tràng giang” không chỉ gợi ra độ dài mà còn là độ rộng. Dòng sông ấy có từ “gợn” chỉ là gợn hơi, lăn tăn theo chiều gió nhẹ. Gợi không khí tĩnh lặng ôm trùm khắp không gian. Từ tâm trạng của thiên nhiên tác giả nói đến tâm trạng của con người, có thể nói có bao nhiêu song gợn ấy là bấy nhiêu nỗi buồn “Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”.

Điệp từ “điệp điệp” diễn tả nỗi niềm trong lòng tuy nhẹ thôi nhưng dai dẳng triền miên. “Con thuyền xuôi mái nước song song” Hình ảnh con thuyền xuôi mái nổi bật giữa dòng sông, trở nên nhỏ bé, đơn độc. “Xuôi mái” ở trạng thái bị động mặc cho dòng nước trôi. Từ láy “song song” “Thuyền về nước lại sầu trăm ngã” tác giả đã sử dụng cặp từ ngược hướng phải chăng đây là sự chia lìa, để khởi nguồn cho nỗi sầu trăm ngã.

Ở câu cuối của khổ một, hình ảnh đơn sơ bình dị, hiện thực đó là “cành củi khô”. Nghệ thuật đảo ngữ như nhấn mạnh vào sự tầm thường nhỏ bé và vô giá trị, không chỉ và vật rơi khô gãy. Lại một cành còn khô quá tầm thường nhỏ bé và đơn độc cạn kiệt sức sống. Trôi dạt vô hướng giữa không gian lớn rộng, ẩn chứa sau đó là những kiếp người và cái tôi lạc loài trong phong trào thơ mới của Huy Cận.

Phân tích 4 câu thơ đoạn 2

*Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,*

*Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.*

*Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;*

*Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.*

Bức pháp chung trong miêu tả thiên nhiên trong thơ Huy Cận đó là gợi hơn tả.” Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu”. Từ láy “lơ thơ” gợi lên sự ít ỏi nhấn mạnh cái sự vắng vẻ nhỏ nhoi, sự cô quạnh giữa không gian mênh mông chỉ có một cồn nhỏ điều hiu vắng vẻ. Tác giả cố gắng lắng nghe tìm tiếng con người. “Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều”, đây là câu hỏi tu từ, phủ nhận sự hiện diện của cuộc sống con người.

Hai câu thơ cuối của khổ thơ thứ hai, tác giả đã sử dụng biện pháp đối ”nắng xuống đối với trời lên”, “sông dài đối với trời rộng”, “sâu chót vót với bến cô liêu”. Động từ ngược hướng lên xuống gợi nên cảm giác chuyển động rõ rệt. Gợi nên chiều cao và sâu không gian được mở vô biên. Nỗi buồn thấm vào tạo vật con người hiện lên với một trạng thái cô đơn.

Phân tích 4 câu thơ trong khổ thơ thứ 3

*Bèo dạt về đâu, hàng nối hàng,*

*Mênh mông không một chuyến đò ngang.*

*Không cầu gợi chút niềm thân mật,*

*Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.*

Khổ thơ tiếp theo gợi nên sự vô định “cánh bèo” không phải đơn thuần là cánh bèo không tìm thấy hướng đi của thiên nhiên. Mà đó là cả một thế hệ thanh niên Việt Nam không tìm thấy hướng đi.

“Mênh mông không một chuyến đò ngang” trong toàn cảnh vũ trụ này tuyệt nhiên không có bóng dáng của con người. Bởi chuyến đò, cây cầu thì phải có con người nhưng tác giả đã nói là “không”. Dùng cách nói phủ định để khẳng định ở đây chỉ có một cái có đó là “lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng” chỉ là thiên nhiên. Đó là sự cô đơn, cảm giác bất an của một cái tôi thơ mới. Chính nỗi niềm này đã được tác giả nói rất nhiều như ở lời đề từ “bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài” tạo nên một điểm riêng cho nhà thơ Huy Cận con người ở đây cô đơn bất an, gợn người.